

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 - 9 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 580/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 580/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; HKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Cư trú: Tây Lạc, ấp A1, xã B1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; HKTT: Thôn Bình Sơn, xã B, huyện C, tỉnh D; Cư trú: số 699, Tây Lạc, ấp A1, xã B1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện và ngày 07/9/2017 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh D cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên xúc phạm bà L, từ năm 2017 đến nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà L xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày

05/10/2017, hiện cháu K đang sống với ông Đ. Khi ly hôn, bà L yêu cầu ông Đ trực tiếp nuôi con chung và bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Do bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ; ông Đ vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nên ông Đ không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; Con chung: giao cho ông Đ nuôi con, bà L không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Bà L khai không có. Buộc bà L nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 07/9/2017 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh D cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà L cho rằng: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên xúc phạm bà L, từ năm 2017 đến nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau; Lời khai của bà L phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương (BL 16, 17). Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Đ ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà L xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L đồng ý giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 05/10/2017 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; bà L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Nguyễn Đăng K đang sống với ông Đ, từ trước đến nay cháu K sống với ông Đ và ông Đ nuôi con đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu; chính quyền địa phương cho biết ông Đ hiện là công nhân và có công việc, thu

nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con (BL 17). Vì vậy, cần giao cháu K cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Bà L khai không có.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 05/10/2017 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L khai không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 0001222 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh D (GCNKH số 19 ngày 07/9/2017);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu